

Số: 145/2020/QĐST-HNGĐ

Nho Quan, ngày 04 tháng 11 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 237/2020/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: phố B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trần Công L.

Địa chỉ: phố B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (phòng giao dịch huyện Q).

Địa chỉ: thôn M, xã Ph, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Công L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Công L, nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 25.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi suất tính đến ngày 27/10/2020 là 45.206 đồng.

2.2. Chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội (Phòng giao dịch Q) số tiền vay gốc là 12.500.000đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 27/10/2020 số tiền 45.206 đồng - Chị H đã trả đủ 12.500.000 đồng tiền vay gốc và 45.206 đồng tiền lãi suất cho Ngân hàng chính sách.

2.3. Anh Trần Công L phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội (Phòng giao dịch Q) số tiền vay gốc là 12.500.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày 28/10/2020 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Công L có một con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014. Chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hoài A, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Công L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); tiền án phí dân sự sơ thẩm (chia công nợ chung) là 312.500đồng (ba trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp. Trả lại cho chị H 150.000đồng (một trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và 337.500 đồng (ba trăm, ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (chia công nợ chung), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0000647 và AA/2018/0000646, ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn